

No	Items	Characteristics
1	Dung lượng định mức (Rated Capacity)	314Ah
2	Điện áp danh định (Nominal Voltage)	51.2V
3	Năng lượng danh định (Nominal Energy)	16.076kWh
4	Năng lượng có thể sử dụng (Usable Energy)	16.076kWh
5	Dải điện áp vận hành (Operating Voltage Range)	43.2~57.6V
6	Dòng điện liên tục tối đa (Max. Continuous Current)	200A
7	Dòng điện định mức (Rated Current)	157A
8	Tuổi thọ chu kỳ (Cycle life)	10000 cycles, 25±2°C 0.5P 90%DOD, 70% EOL
9	Độ xả sâu (Depth of Discharge (DoD))	100% (tại thời điểm bắt đầu vòng đời, ở 25°C, sạc/xả ở tốc độ 0.2C) (100% (at beginning of life, 25°C 0.2C charge and discharge))
10	Short Circuit Protection	Có (Yes)
11	Cấp bảo vệ IP (Ingress Protection)	IP65
12	Kích thước (Dimensions) (L*W*H)	500*250*900
13	Khối lượng (Weight)	128kg ± 5kg
14	Nhiệt độ sạc (Charge Temperature)	0°C~55°C
15	Nhiệt độ xả (Discharge Temperature)	-20°C~55°C
16	Độ cao so với mực nước biển (Altitude above sea level)	<4000m
17	Wifi/Bluetooth	Hỗ trợ Wifi/Bluetooth (Support Wifi/Bluetooth)
18	Các biến tần tương thích (Compatible Inverters)	Các biến tần hỗ trợ giao thức "PYL" Pylon. Ví dụ: (Inverters supporting the "PYL" Pylon protocol. For example): Deye, Sunsynk, Goodwe, Growatt, Sofar, Solis, Sungrow,

		MUST, SRNE, Senergy, Kehua, INVT, Victron Energy, SMA, Luxpower, SolaX Power, Schneider Electric, Studer Innotec, Voltronic, Effekta, Imeon Energy, Sermatec, Ingeteam, KOSTAL, SolarMax, Delios
19	Tuổi thọ thiết kế (Designed Life)	>20 năm (>20 years)
20	Lắp đặt (Installation)	Lắp đặt trên sàn (Floor-installed)